

Số: 177/2021/QĐST-HNGĐ

Trà Cú, ngày 26 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 264/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Kim Thị R, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Thạch T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp B, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; 57 và 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Kim Thị R và anh Thạch T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị R và anh Thạch T thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Thạch Th; sinh ngày 01/01/2008 và Thạch Thị B; sinh ngày 11/4/2010, chị R và anh T thống nhất thỏa thuận giao người con chung tên Thạch Thị B cho chị R tiếp tục nuôi dưỡng, con chung Thạch Th; sinh ngày 01/01/2008 giao cho anh T nuôi dưỡng (đây cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Thạch Th được sống chung với cha và Thạch Thị B được sống chung với mẹ), không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi dưỡng. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

Về tài sản chung-Nợ chung: Chị R và anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), chị R và anh T mỗi người nộp 75.000 đ (bảy mươi lăm nghìn đồng), nhưng chị R tự nguyện nộp thay cho anh T. Căn trừ tiền tạm ứng án phí mà chị R đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006058 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thì chị R đã nộp xong tiền án phí và được nhận lại tiền án phí còn thừa là 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- THA huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoài Thanh